

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2017/DSPT
Ngày: 23/8/2017
*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Thành Tân

Các Thẩm phán:

ông Triệu Quốc Hiếu

bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

-Thư ký phiên tòa: bà Tô Thị Út – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLPT-DS, ngày 03 tháng 5 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DSST, ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 163/2017/QĐ-PT, ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Lô B, tổ 12, khu dân cư An Hiệp, ấp Tân Thạnh, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Văn M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 297B, ấp Tân An, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH Long H. Trụ sở tại ấp Thạnh Phú, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thành Q, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Địa chỉ: số 231 Huỳnh Văn Khá, khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn M và Công ty TNHH Long H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Thị Mỹ H trình bày:

Ngày 19/7/2015, Ông M mua 7.880kg cá tra loại 02 tháng tuổi, giá 18.000 đồng/ kg bằng số tiền là 141.840.000 đồng.

Ngày 22/7/2015, Bà H tiếp tục bán cho Ông M cá tra, loại 02 tháng tuổi với trọng lượng 8.290kg, giá 18.000đồng/kg bằng số tiền 149.220.000 đồng.

Tổng cộng hai đợt mua bằng 291.060.000 đồng không có làm hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Hai đợt mua cá ông M đặt cọc 5.000.000 đồng, hẹn đến ngày 05/8/2015 ông M sẽ trả hết số tiền cá giống còn nợ. Biên nhận ngày 19/7/2015 và ngày 22/7/2015 là người đi chung với Ông M viết, Ông M đọc lại và ký tên. Ông M có trả số tiền cá giống cho Bà H được 05 lần tổng cộng là 191.060.000 đồng vào các ngày như sau:

- + Ngày 29/8/2015 Ông M trả số tiền là 100.000.000 đồng
- + Ngày 13/9/2015 Ông M trả số tiền là 50.000.000 đồng
- + Ngày 01/11/2015 Ông M trả số tiền là 36.000.000 đồng
- + Khấu trừ số tiền đặt cọc ngày 19/6/2015 là 5.000.000 đồng
- + Lần trả 60.000 đồng không có ghi vào biên nhận.

Các biên nhận trả tiền đều do Bà H viết và ký tên, biên nhận bản chính hiện nay do Công ty trách nhiệm hữu hạn Long H lưu giữ (sau đây gọi tắt là công ty Long H). Sau đó ông M ngưng không trả tiền, đến đòi nhiều lần nhưng ông M hẹn mà vẫn không trả. Bà H yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ trả số tiền mua cá tra là 100.000.000 đồng và tính lãi suất 1% tháng, kể từ ngày 05/8/2015 đến ngày 05/3/2016 là 7.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 107.000.000 đồng.

- Bị đơn Lê Văn M phản tố như sau:

Ông là kỹ thuật viên của Công ty Long H do Lê Thành Q làm giám đốc, ông M thừa nhận 02 lần mua dùm giống cá tra của Bà H như bà H đã trình bày trên nhưng là mua cho Công ty Long H. Ông M có đặt cọc 5.000.000 đồng của 02 đợt mua cá và biên nhận hẹn đến ngày 05/8/2015 sẽ hoàn trả số tiền mua cá giống còn nợ là do ông Lê Thành D là nhân viên công ty viết và Ông M đọc lại rồi ký tên. Việc ký tên xác nhận nợ mua cá của bà H thì Công ty Long H biết và đồng ý. Phía Công ty Long H chỉ ủy quyền bằng lời nói để Ông M thay mặt Công ty giao kết việc mua bán này.

Ông M có đại diện Công ty Long H trả cho Bà H số tiền mua cá giống tổng cộng là 155.060.000 đồng; ngày 01/11/2015 kế toán Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp trả cho Bà H tiền mua cá giống là 36.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 191.060.000 đồng, nay còn nợ Bà H 100.000.000 đồng. Ông M yêu cầu Công ty Long H phải trả cho Bà H số tiền mua cá còn nợ 100.000.000 đồng và lãi suất 1% tháng, tính từ ngày 05/8/2015 đến ngày 05/3/2016 là 7.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 107.000.000 đồng.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Long H do ông Lê Thành Q đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông M nuôi cá giống am hiểu kỹ thuật và là người thân trong gia đình nên ông Q tin tưởng và có nhờ ông M liên hệ với bà H mua cá giống không có làm hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, công ty mua về nuôi để bán cá thịt, với 02 lần mua tổng số tiền 291.060.000 đồng như bà H trình bày. Công ty đã giao 5.000.000 đồng cho ông M đặt cọc cho bà H.

Biên nhận ngày 19/7/2015 và ngày 22/7/2015 là anh Lê Thành D viết và ông M đọc lại ký tên vào biên nhận, do khi mua và cân cá thì nhân viên không có ở nhà nên ông M ký tên xác nhận công nợ thay cho Công ty. Ông M thay mặt Công ty mua cá giống và ký tên xác nhận vào 02 biên nhận nợ và hẹn đến ngày 05/8/2015 trả nợ thì Công ty không có văn bản ủy quyền cho ông M mà chỉ ủy quyền bằng lời nói và khi đó Công ty cũng chưa có nguồn tiền để trả cho bà H nên hẹn đến ngày 05/8/2015 mới trả số tiền mua cá giống. Việc mua cá giống được chia làm 02 lần, vì do có một ao cá giống của bà H bị bệnh nên phải chờ xử lý cho đến khi hết bệnh thì Công ty mới bắt về thả vào ao nuôi của Công ty. Công ty có nhờ ông M trả cho bà H số tiền mua cá giống 155.060.000 đồng; ngày 01/11/2015 kế toán Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp trả cho Bà H 36.000.000 đồng. Tổng cộng Công ty đã trả cho Bà H số tiền mua cá giống là 191.060.000 đồng.

Ông Q xác định, ông M chỉ thay mặt Công ty liên hệ bà H để mua giống cá tra nên ông M không có nghĩa vụ trả số tiền nợ như bà H đã yêu cầu. Hiện nay Công ty còn nợ bà H 100.000.000 đồng và đồng ý tính tiền lãi suất là 1%/tháng từ ngày 05/8/2015 đến ngày 05/3/2016 là 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình bắt cá giống thì số lượng cá bị bệnh nên chết gần 50%, gây thiệt hại cho Công ty gây khó khăn về kinh tế nên yêu cầu bà H hỗ trợ giảm số tiền nợ cho Công ty là 50% bằng số tiền là 53.500.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DSST ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Mỹ H.

Buộc ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ trả tiền giống cá tra còn nợ 136.060.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn), cho bà Trương Thị Mỹ H.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Văn M, yêu cầu chuyển giao nghĩa vụ dân sự đối với hợp đồng mua bán giống cá tra xác lập giữa ông Lê Văn M với bà Trương Thị Mỹ H vào ngày 19/7/2015 và ngày 22/7/2015, cho Công Ty Trách nhiệm Hữu Hạn Long H.

- Dành cho Công Ty Trách nhiệm Hữu Hạn Long H được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác, khi có tranh chấp và yêu cầu đối với ông Lê Văn M, đối với Bà Trương Thị Mỹ H về số tiền 36.060.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/3/2017 ông Lê Văn M kháng cáo yêu cầu chuyển nợ để Công ty Long H trả cho bà H.

Ngày 27/3/2017 Công ty Long H kháng cáo cùng yêu cầu chuyển nợ của ông M sang Công ty Long H để Công ty trả số nợ 100.000.000 đồng cho bà H và xin trả dần.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lê Văn M thừa nhận ông còn nợ bà Hạnh tiền mua cá chưa trả, nhưng nợ này là của Công ty Long H. Ông đồng ý trừ số tiền bà H đã nhận là 36.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 100.000.000 đồng.

Ông Lê Thành Q trình bày: ông M chỉ là người hợp tác với Công ty Long H là thời vụ, nên Công ty Long H đồng ý đứng ra trả nợ 100.000.000 đồng thay cho ông M để thanh toán nợ cho bà H.

Bà Trương Thị Mỹ H đồng ý trừ số tiền 36.000.000 đồng này nhưng bà chỉ giao dịch mua bán với ông M nên bà chỉ yêu cầu ông M trả số nợ trên cho bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo còn trong hạn luật định đã nộp tạm ứng án phí, nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

+ Về nội dung: việc ông Q nhận chuyển số nợ 100.000.000 đồng của ông M về phía Công ty Long H là không có căn cứ, do giao dịch mua bán cá tra giống là giữa bà H với ông M. Tại tòa, bà H, ông M và ông Q đều đồng ý trừ số tiền 36.000.000 đồng bà H đã nhận vào số nợ cá giống nên đồng ý, do đó ông M chỉ còn nợ bà H 100.000.000 đồng. Vì vậy đề nghị sửa án sơ thẩm, buộc ông M hoàn trả cho bà H số tiền nợ 100.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông M, ông Q thừa nhận việc giữa ông Lê Văn M và bà Trương Thị Mỹ H có hợp đồng miệng mua bán cá tra là có thật, cụ thể:

- Ngày 19/7/2015 bà H đã bán cho ông M 7.880kg cá tra, giá 18.000 đồng/ kg bằng số tiền là 141.840.000 đồng.

- Ngày 22/7/2015, Bà H tiếp tục bán cho Ông M 8.290kg cá tra, giá 18.000đồng/kg bằng số tiền 149.220.000 đồng.

Tổng cộng cả hai đợt mua cá bằng số tiền 291.060.000 đồng ông M đã trả cho bà H 191.060.000 đồng đều có biên nhận do ông M ký tên, trong đó 36.060.000 đồng là kế toán của Công ty Long H tên Nguyễn Thị Trúc L giao cho bà H đã nhận. Còn nợ lại bà H 100.000.000 đồng.

[2] Phía công ty cho rằng công ty ủy quyền miệng cho ông M mua cá giống của bà H nhưng không có giấy tờ chứng minh; chỉ có ông M giao dịch mua cá của bà H và ông M ký vào biên nhận nợ với tư cách cá nhân ông, nên bà H yêu cầu ông M trả cho bà số tiền nợ cá giống là có cơ sở.

[3] Đối với số tiền 36.060.000 đồng bà H đã nhận của Công ty, nay ông M, ông Q và bà H đồng ý trừ vào số nợ nên chấp nhận. Vì vậy phía ông M chỉ còn nợ bà H 100.000.000 đồng tiền mua cá giống.

Về án phí:

- Do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí. Ông M có nghĩa vụ trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền nợ cá giống nên phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số nợ này bằng 5.000.000 đồng.

- Ông M và ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông M và ông Q.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn M và Công ty TNHH Long H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DSST, ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 154, 429, 430, 440, 357 và Điều 370 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Mỹ H.

Buộc ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ trả tiền giống cá tra còn nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho bà Trương Thị Mỹ H.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông M và Công ty Long H về việc chuyển số nợ 100.000.000 đồng sang cho Công ty Long H.

*** Về án phí:**

Áp dụng Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 27, Điều 28 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc ông Lê Văn M phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên trả cho ông Lê Văn M và Công ty Long H mỗi bên nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu số 0002437 và số 0002438 cùng ngày 28/3/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TPVL: 01;
- Chi cục THADS TPVL: 02;
- Đ/s: 03;
- Lưu HS: 04.

Lê Thành Tân